

Số: /KSBT-DVTYT
V/v báo giá vắc xin tiêm chủng dịch vụ

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

(Vắc xin tiêm chủng dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố
Hải Phòng năm 2026 (đợt 3))

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm vắc xin tiêm chủng dịch vụ, làm cơ sở lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0225.3842.878, Email: duoc.cdchp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng - Địa chỉ: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

- Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 14h ngày 04 tháng 5 năm 2026, đến trước 17h ngày 14 tháng 5 năm 2026.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục I kèm theo

2. Mẫu báo giá tại Phụ lục II kèm theo

3. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng
Cơ sở 1: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Cơ sở 2: Số 18 đường Thanh Niên, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II,III năm 2026

Quý đơn vị có thể chào toàn bộ hoặc một số danh mục theo khả năng cung ứng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên HTMĐTQG;
- Các phòng: TCKT; KHNV;
- Các khoa: PCBTN; TTGDSK (đăng website CDC);
- Lưu: VT, D-VTYT.

GIÁM ĐỐC

Đông Trung Kiên

PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời báo giá số /KSBT-DVTTYT ngày tháng năm 2026.)

TT	Danh mục hàng hóa	Tên thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	ĐVT	SL cơ sở 1	SL cơ sở 2	Tổng số lượng
1.	Vắc xin Phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt	Giải độc tố bạch hầu ; Giải độc tố uốn ván; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà , Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) ; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (chủng Mahoney) , Típ 2 (chủng MEF-1), Típ 3 (chủng Saukett)	Sau khi hoàn nguyên, một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 I.U.; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 I.U.; Các kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà 25 microgam, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 microgam; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (chủng Mahoney) 40 DU, Típ 2 (chủng MEF-1) 8 DU, Típ 3 (chủng Saukett) 32 DU	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	50	150	200
2.	Vắc xin Phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván	Giải độc tố uốn ván ; Giải độc tố bạch hầu ; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) ; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) ; Pertactin (PRN) ; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM)	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố uốn ván 5Lf; Giải độc tố bạch hầu 2Lf; Ho gà vô bào: Giải độc tố ho gà (PT) 2,5mcg; Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 5mcg; Pertactin (PRN) 3mcg; Ngưng kết tố 2 + 3 (FIM) 5mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	30	30	60
3.	Vắc xin Phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg	Một liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	100	100
4.	Vắc xin Phòng bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	Giải độc tố bạch hầu; Giải độc tố uốn ván ; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT), Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA); Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney), Típ 2 (MEF-1) , Típ 3 (Saukett); Kháng nguyên bề mặt viêm gan B; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate) cộng hợp với protein uốn ván	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	500	700

			mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg							
5.	Vắc xin Phòng bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm gan B, Hib	Giải độc tố bạch hầu ; Giải độc tố uốn ván ; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi và Pertactin ; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B ; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) ; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) ; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) ; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b cộng hợp với giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	1000	1200
6.	Vắc xin phòng bệnh Cúm	A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238), A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A), B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26), B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) (Thành phần được cập nhật hàng năm theo sự phê duyệt của Cục Quản lý dược)	Mỗi 0,5 ml vắc xin (kháng nguyên bề mặt, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2)-like strain (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-like strain (B/Austria/1359417/2021, BVR-26) 15 mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15 mcg haemagglutinin	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ/ Xylanh	2500	6000	8500

7.	Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt	Mỗi liều 0,5ml chứa Virus viêm gan A, (chủng GBM) bất hoạt 80U	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	150	400	550
8.	Vắc xin phòng bệnh viêm gan A	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết <100µg	Mỗi liều 0,5ml chứa Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết < 100µg; Mỗi liều 1ml chứa Protein bao gồm kháng nguyên virút viêm gan A tinh khiết < 200µg	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	200	200
9.	Vắc xin phòng bệnh não mô cầu xâm lấn gây ra bởi Neisseria meningitidis các nhóm huyết thanh A, C, Y và W-136	Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uôn ván khoảng 55mcg	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)*10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uôn ván khoảng 55mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	400	600	1000
10.	Vắc xin phòng bệnh Rotavirus	Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID ₅₀	Mỗi liều 1,5ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID ₅₀	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	5	Tuýp/ Liều/Hộp/Ống	0	200	200
11.	Vắc xin phòng bệnh Rotavirus	Rotavirus G1 human-bovine reassortant; Rotavirus G2 human-bovine reassortant; Rotavirus G3 human-bovine reassortant; Rotavirus G4 human-bovine reassortant ; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant	($\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,8$ triệu IU; $\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,0$ triệu IU; $\geq 2,3$ triệu IU)/2ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	5	Tuýp/ Liều/Hộp/Ống	0	200	200

12.	Vắc xin phòng bệnh do phế cầu	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn	Mỗi liều đơn 0,5ml chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4µg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2µg; Protein vận chuyển CRM197 32µg	0	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	300	300
13.	Vắc xin phòng bệnh xâm lấn và bệnh viêm phổi do Streptococcus pneumoniae	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn ; Huyết thanh tuýp 33F	Mỗi liều đơn 0,5 ml: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4 mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 8 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 10A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 11A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 12F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 15B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg;	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	500	600	1100

		polysaccharid phế cầu khuẩn ; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)	Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 22F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; Huyết thanh tuýp 33F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2 mcg; (20 cộng hợp phế cầu khuẩn - saccharid cộng hợp với CRM197)							
14.	Vắc xin phòng bệnh phế cầu xâm lấn và bệnh viêm phổi, viêm tai giữa cấp tính do Streptococcus pneumoniae	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phế cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh 6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Mỗi liều (0,5ml) chứa 2 mcg polysaccharid phế cầu của các týp huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4 mcg týp huyết thanh 6B, cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhôm phosphat	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	500	600	1100
15.	Vắc xin Phòng bệnh: Ung thư cổ tử cung	Protein L1 HPV týp 6; protein L1 HPV týp 11; protein L1 HPV týp 16; protein L1 HPV týp 18; protein L1 HPV týp 31; protein L1 HPV týp 33; protein L1 HPV týp 45; protein L1 HPV týp 52; protein L1 HPV týp 58	Mỗi liều 0,5 ml chứa 30mcg protein L1 HPV typ 6; 40 mcg protein L1 HPV typ 11; 60mcg protein L1 HPV typ16; 40mcg protein L1 HPV typ18; 20 mcg protein L1 HPV cho mỗi typ 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	2500	2500	5000
16.	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated	$\geq 1350\text{PFU}/\text{lọ}$	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	500	700
17.	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 10^3,3$ PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	300	500	800
18.	Vắc xin phòng bệnh thủy đậu	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Mỗi 0,5ml vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa Vi rút thủy đậu sống giảm độc lực (Chủng: MAV/06, dòng tế bào: MRC-5) ≥ 3.800 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	2	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	50	50
19.	Vắc xin Phòng bệnh: sởi, quai bị, rubella	Vi-rút sởi ; Vi rút Quai bị ; Vi rút Rubella	Liều 0,5ml chứa: - Vi rút Sởi ≥ 1.000 CCID50; - Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; - Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50;	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	300	700	1000
20.	Vắc xin Phòng bệnh: sởi, quai bị, rubella	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz) $\geq 10^3$ CCID50; Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385) $\geq 10^3,7$ CCID50; Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3) $\geq 10^3$ CCID51	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bom tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	600	700	1300

21.	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản	vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2, tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	450	450	900
22.	Vắc xin phòng bệnh Sốt xuất huyết	vắc xin sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) ; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực)	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	500	500	1000
23.	Vắc xin Phòng bệnh: do virus Herpes zoster (HZ) và các biến chứng liên quan đến HZ	Mỗi liều sau hoàn nguyên chứa kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Mỗi liều 0,5ml sau hoàn nguyên chứa 50mcg kháng nguyên gE tái tổ hợp của vi rút Varicella Zoster (VZV) được bổ trợ với AS01B	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	150	150	300
24.	Vắc xin phòng bệnh viêm gan B	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Mỗi liều vắc xin 0,5ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$) 10mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	50	50
25.	Vắc xin phòng bệnh viêm gan B	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Mỗi liều vắc xin 1ml chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$) 20mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	300	500	800
26.	Vắc xin Phòng bệnh: viêm gan A, viêm gan B	Hepatitis A virus antigen (HM175 strain); r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg)	Mỗi liều 1ml chứa Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	200	400
27.	Vắc xin phòng bệnh viêm gan B	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 20\mu\text{g}/1\text{ml}$	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	0	200
28.	Vắc xin Phòng bệnh: bạch hầu, uốn ván	Giải độc tố uốn ván tinh chế; Giải độc tố bạch hầu tinh chế	Mỗi liều 0,5ml vắc xin chứa: Giải độc tố uốn ván tinh chế ít nhất 20 đvqt; Giải độc tố bạch hầu tinh chế ít nhất 2 đvqt	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	50	100	150
29.	Vắc xin Phòng bệnh: viêm màng não do não mô cầu type B, C	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50 μg ; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50 μg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	400	1000	1400

30.	Vắc xin phòng bệnh viêm màng não mô cầu nhóm B	Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tái tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	200	300	500
31.	Huyết thanh kháng đại tinh chế	Kháng thể kháng vi rút dại	1000 IU/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	100	800	900
32.	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	150	300	450
33.	Vắc xin phòng bệnh: nhiễm khuẩn do Salmonella (thương hàn)	Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2)	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn Salmonella typhi (chủng Ty2) 25mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	0	300	300
34.	Vắc xin Phòng bệnh: uốn ván	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ/ Ống	300	1200	1500
35.	Vắc xin phòng bệnh tả	V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	Mỗi liều 1.5 ml chứa: V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	4	Tuýp/ Liều/Hộp/Ống/Lọ	0	1000	1000
36.	Vắc xin phòng bệnh dại	Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	1800	1500	3300
37.	Vắc xin phòng bệnh dại	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus đại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M)	3.25 IU/0.5ml/liều (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ	1000	1500	2500

38.	Vắc xin phòng bệnh lao	Mỗi ống (10 liều) chứa: BCG sống, đông khô 0,5mg	Mỗi ống (10 liều) chứa BCG sống, đông khô 0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ/ Ống	0	200	200
39.	Vắc xin phòng Cúm	A/Victoria/4897/2022 (H1N1) pdm09- sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238); A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) ; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã)	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Victoria/4897/2022 (H1N1) pdm09- sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Croatia/10136RV/2023 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Croatia/10136RV/2023, X-425A) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Bơm tiêm /Liều/ Hộp/Lọ/ Ống	200	200	400

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /KSBT-DVTYT ngày tháng năm 2026)

Tên công ty:

Địa chỉ:.....

E-Mail:

Mã số thuế.....

Liên hệ.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

T	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá có VAT (đồng)	Thành tiền có VAT (đồng)	Giá kê khai (đồng)
Tổng tiền																

Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng, chi phí, lệ phí khác

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)